

Số: 02/2010/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2010

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc Quy định mức thu phí mới và điều chỉnh, bổ sung một số loại phí  
thuộc tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHOÁ XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số: 38/2001/PL-UBTV-QH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số: 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số: 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số: 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn; Nghị định số: 174/2007/NĐ-CP ngày 29/11/2007 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số: 39/2006/TT-BTC ngày 19/05/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 174/2007/NĐ-CP ngày 29/11/2007 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn;

Căn cứ Quyết định số: 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành danh mục chất thải rắn nguy hại;

Căn cứ Thông tư số: 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Căn cứ Thông tư số: 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số: 14/TTr-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Quy định điều chỉnh, bổ sung một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí mới và điều chỉnh, bổ sung một số loại phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm:

1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (có phụ lục số 01 chi tiết kèm theo).

- Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí được trích lại 20% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định.

- Phần còn lại 80% nộp vào ngân sách địa phương để chi dùng cho các nội dung theo quy định hiện hành.

2. Bổ sung, điều chỉnh mức thu phí qua cầu treo do địa phương quản lý (có Phụ lục số 02 chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể và tổ chức thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng từng loại phí phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Bãi bỏ mức thu phí qua cầu treo trên địa bàn tỉnh quy định tại Điểm 3 Điều 1 Nghị quyết số: 03/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI kỳ họp thứ 8, về bổ sung và điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2010./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- TT Tỉnh uỷ;
- UBNDTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá XI;
- Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- TT.HĐND và UBND các huyện thành phố, thị xã trong tỉnh;
- Các Đ/c LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên; TT Công báo tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP;
- Các CV Phòng CT HĐND tỉnh;
- Lưu: VP.

*lh*

**CHỦ TỊCH**



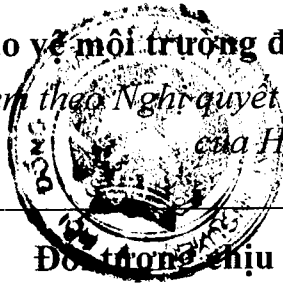
*Nguyễn Văn Vượng*

**Nguyễn Văn Vượng**

Phụ lục số 01:

## BIỂU MỨC THU

Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên  
(Kèm theo Nghị quyết số: 02/2010/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2010  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Đối tượng chịu phí (hoặc loại rác thải rắn)	Mức thu phí
1- Đối với chất thải rắn nguy hại	
- Chất thải rắn nguy hại loại 1 (Ký hiệu là *)	2.000.000 đồng/tấn
- Chất thải rắn nguy hại loại 2 (Ký hiệu là **)	5.000.000 đồng/tấn
2- Đối với chất thải rắn thông thường phát thải từ hoạt động của cơ quan, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề	
<b>Nhóm 1:</b> Có khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh $\leq 500$ kg/tháng.	20.000 đồng/cơ sở/tháng
<b>Nhóm 2:</b> Có khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh $> 500$ kg/tháng $\leq 1000$ kg/tháng	40.000 đồng/cơ sở/tháng
<b>Nhóm 3:</b> Các đối tượng còn lại có khối lượng chất thải rắn phát sinh $> 1000$ kg/tháng.	40.000 đồng/tấn

Th

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

**Phụ lục số 02:**

**MỨC THU PHÍ QUA CẦU TREO ĐÀU TƯ BẰNG VỐN NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 02/2010/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2010  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu phí (đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Thu phí theo lượt</b>		
1	Xe mô tô 2 bánh	Xe/Lượt	1.000
2	Xe mô tô 2 bánh chở hàng công kênh, chở hàng nặng trên 70Kg	Xe/Lượt	2.000
3	Xe xích lô, mô tô 3 bánh, xe ba gác	Xe/Lượt	1.000
4	Xe lam, xe xúc vật kéo	Xe/Lượt	3.000
5	Xe bông sen	Xe/Lượt	8.000
6	Xe con dưới 12 chỗ ngồi	Xe/Lượt	8.000
7	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên	Xe/Lượt	10.000
8	Xe ô tô chở hàng hoá có trọng tải dưới 2.0 tấn	Xe/Lượt	10.000
9	Xe ô tô chở hàng hoá có trọng tải trên 2.0 tấn	Xe/Lượt	12.000
<b>II</b>	<b>Thu phí theo tháng</b>		
1	Xe máy các loại	Xe/Tháng	30.000
2	Xe ô tô chở hàng dưới 2,0 tấn; xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Xe/Tháng	300.000
3	Xe ô tô chở hàng trên 2,0 tấn; xe ô tô trên 12 chỗ ngồi	Xe/Tháng	450.000

*Các phương tiện qua cầu cần đảm bảo nguyên tắc trọng tải của phương tiện phải phù hợp với thiết kế của cầu.*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**